

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST

Ngày 02-12-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Trí Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chu Thị O; cư trú tại thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn T; ĐKTT: Thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội X, Trại giam T; địa chỉ: Phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt (có lời khai đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Chu Thị O trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Chu Thị O và ông Lê Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 25 tháng 12 năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình ở thôn H, xã A. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nên

thường xuyên xảy ra va chạm, cãi chửi nhau. Khi phát sinh mâu thuẫn, bà đã tìm nhiều giải pháp để khắc phục nhưng đều không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên đến cuối năm 2017, bà Chu Thị O đã bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở cùng thôn, sống ly thân với ông Lê Văn T. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông Lê Văn T có hành vi vi phạm pháp luật, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hiện đang chấp hành án phạt tù tại Đội X, Trại giam T. Từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay bà Chu Thị O xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lê Hoài N - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2007 và Lê Ngọc K - sinh ngày 08 tháng 3 năm 2012. Ly hôn bà Chu Thị O đề nghị Tòa án giao các con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do bà Chu Thị O và ông Lê Văn T tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà Chu Thị O không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Tại bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2022, bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, địa điểm vợ chồng chung sống như bà Chu Thị O đã trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp. Khi phát sinh mâu thuẫn, bà O có khuyên nhủ nhưng do ông không chịu sửa chữa nên mâu thuẫn càng trầm trọng. Năm 2017, bà Chu Thị O đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn, sống ly thân với ông. Năm 2020, ông Lê Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương xử phạt 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hiện tại ông Lê Văn T đang chấp hành án phạt tù tại Đội X, Trại giam T. Nay bà Chu Thị O xin ly hôn, ông Lê Văn T đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như bà Chu Thị O trình bày là đúng. Ly hôn ông Lê Văn T đồng ý để bà Chu Thị O được nuôi các con chung; việc cấp dưỡng nuôi con do ông Lê Văn T và bà Chu Thị O tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông Lê Văn T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Chu Thị O và ông Lê Văn T. Về con chung, giao các con

chung Lê Hoài N - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2007 và Lê Ngọc K - sinh ngày 08 tháng 3 năm 2012 cho bà Chu Thị O trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà Chu Thị O và ông Lê Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử vụ án và việc xét xử vắng mặt của bị đơn: Bị đơn, ông Lê Văn T có nơi đăng ký thường trú tại thôn H, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện A. Bà Chu Thị O và ông Lê Văn T có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định bà Chu Thị O và ông Lê Văn T kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã A vào ngày 25 tháng 12 năm 2006. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Chu Thị O và ông Lê Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Chu Thị O và ông Lê Văn T.

[3] Về con chung: Bà Chu Thị O và ông Lê Văn T có 02 con chung Lê Hoài N - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2007 và Lê Ngọc K - sinh ngày 08 tháng 3 năm 2012. Ly hôn bà Chu Thị O và ông Lê Văn T đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao các con chung cho bà Chu Thị O trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do các đương sự tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy quan điểm các đương sự đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên được chấp nhận. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bà Chu Thị O và ông Lê Văn T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ các điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Chu Thị O và ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao các con chung Lê Hoài N - sinh ngày 22 tháng 9 năm 2007 và Lê Ngọc K - sinh ngày 08 tháng 3 năm 2012 cho bà Chu Thị O trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tạm thời không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Chu Thị O phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Bà Chu Thị O đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004271 ngày 04 tháng 10 năm 2022) nên trả lại cho bà Chu Thị O 225.000 đồng.

Ông Lê Văn T phải nộp 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự A;
- UBND xã A (ĐKKH số 116/2006);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch